

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận khen thưởng tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ Tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ Trường Đại học”;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy”;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hình thức vừa làm vừa học”;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành; “Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ Chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ quy định về việc Khen thưởng sinh viên tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng được đào tạo theo hệ thống niên chế theo quyết định số 843/QĐ-ĐHNL-CTSV ngày 01/04/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM;

Căn cứ quy định về việc Khen thưởng sinh viên tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng được đào tạo theo hệ thống tín chỉ theo quyết định số 842/QĐ-ĐHNL-CTSV ngày 01/04/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM;

Căn cứ theo danh sách đồng ý đề nghị khen thưởng của Khoa/Bộ môn;

Xét đề nghị của các Ông (Bà) Trưởng Phòng Công tác Sinh viên, Trưởng Khoa/Bộ môn

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay biểu dương khen thưởng 12 sinh viên tốt nghiệp Xuất sắc.

(Danh sách khen thưởng đính kèm)

Điều 2: Mức khen thưởng: Sinh viên tốt nghiệp Xuất sắc: 500.000đ/sinh viên

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng Công tác Sinh viên, Trưởng phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch Tài chính, Ban Chủ nhiệm Khoa/Bộ môn, các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- P. KHTC, P. Đào tạo;
- Khoa/Bộ môn;
- Lưu: P. HC, P. CTSV.



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP XUẤT SẮC ĐỢT THÁNG 03/2015

(Đính kèm quyết định số: 1000 /QĐ-ĐHNL-CTSV ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Hiệu trưởng)

STT	KHOA/ BỘ MÔN	CHUYÊN NGÀNH	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	ĐIỂM TB	XẾP LOẠI	SỐ VÀO SỔ
1	CNSH	Công nghệ sinh học	12426019	Đỗ Thanh	Thịnh	LT12SH	3.62	Xuất sắc	50
3	QLĐĐ&BDS	Quản lý đất đai	12424049	Lê Thị Ngọc	Minh	LT12QL	3.61	Xuất sắc	51
4	CNTP	Công nghệ thực phẩm	10125211	Lê Thị Phượng	Linh	DH10TP	3.63	Xuất sắc	52
5		Công nghệ thực phẩm	10142144	Lê Thị Phương	Thành	DH10TP	3.63	Xuất sắc	53
6		Công nghệ thực phẩm	10148267	Nguyễn Lê Minh	Trang	DH10TP	3.83	Xuất sắc	54
2	Kinh tế	Kinh tế TNMT	11143048	Nguyễn Thị Thu	Hà	DH11KM	3.71	Xuất sắc	55
7		Kế toán	11123028	Đồng Thị	Nga	DH11KE	3.64	Xuất sắc	56
8		Kế toán	13123015	Lê Thị	Diễm	LT13KE	3.7	Xuất sắc	57
9		Quản trị kinh doanh	11122077	Trịnh Nguyễn Thu	Huyền	DH11QT	3.61	Xuất sắc	58
10		Quản trị kinh doanh	11122106	Nguyễn Thị	Thanh	DH11QT	3.63	Xuất sắc	59
11		Quản trị kinh doanh	12422016	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	LT12QT	3.67	Xuất sắc	60
12		Quản trị kinh doanh	12422027	Nguyễn Thanh	Nhã	LT12QT	3.75	Xuất sắc	61

HIỆU TRƯỞNG 15
PHÓ HIỆU TRƯỞNG 15
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
TP. HỒ CHÍ MINH
PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận khen thưởng tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ Tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ Trường Đại học”;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy”;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hình thức vừa làm vừa học”;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành; “Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ Chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ quy định về việc Khen thưởng sinh viên tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng được đào tạo theo hệ thống niên chế theo quyết định số 843/QĐ-ĐHNL-CTSV ngày 01/04/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM;

Căn cứ quy định về việc Khen thưởng sinh viên tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng được đào tạo theo hệ thống tín chỉ theo quyết định số 842/QĐ-ĐHNL-CTSV ngày 01/04/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM;

Căn cứ theo danh sách đồng ý đề nghị khen thưởng của Khoa/Bộ môn;

Xét thành tích học tập và rèn luyện của sinh viên trong toàn khóa học,

Xét đề nghị của các Ông (Bà) Trưởng Phòng Công tác Sinh viên, Trưởng Khoa/Bộ môn

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay biểu dương khen 261 sinh viên tốt nghiệp loại Giỏi

(Danh sách đính kèm)

Điều 2: Hình thức khen: Giấy khen

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng Công tác Sinh viên, Trưởng phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch Tài chính, Ban Chủ nhiệm Khoa/Bộ môn, các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- P. KHTC, P. Đào tạo;
- Khoa/Bộ môn;
- Lưu: P. HC, P. CTSV.



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP LOẠI GIỎI ĐỢT THÁNG 03/2015

(Đính kèm quyết định số: 1856 /QĐ-ĐHNL-CTSV ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Hiệu trưởng)

STT	KHOA/ BỘ MÔN	CHUYÊN NGÀNH	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	ĐIỂM TB	XẾP LOẠI	SỐ VÀO SỐ
1	CNTT	Công nghệ thông tin	11130081	Nguyễn Mạnh	Toàn	DH11DT	3.2	Giỏi	62
2	Lâm nghiệp	Quản lý TN rừng	11147130	Đỗ Thị	Diễm	DH11QR	3.34	Giỏi	63
3	CNHH	Công nghệ hóa học	11139002	Bùi Thị Phương	Dung	DH11HH	3.43	Giỏi	64
4		Công nghệ hóa học	11139008	Lê Thành	Long	DH11HH	3.33	Giỏi	65
5		Công nghệ hóa học	11139075	Nguyễn Dương Khánh	Kim	DH11HH	3.24	Giỏi	66
6		Công nghệ hóa học	11139123	Nguyễn Đức	Thịnh	DH11HH	3.21	Giỏi	67
7	CNTY	Thú y	08112243	Nguyễn Thị Lan	Thanh	DH08TY1	3.22	Giỏi	68
8		Thú y	10112061	Vũ Thị	Huệ	DH10TY	3.28	Giỏi	69
9	CNSH	Công nghệ sinh học	10126108	Phan Thị Hồng	Nhiệm	DH10SH	3.26	Giỏi	70
10		Công nghệ sinh học	10126138	Lương Thị Xuân	Quỳnh	DH10SH	3.36	Giỏi	71
11		Công nghệ sinh học	11126041	Nguyễn Thị Thu	Dung	DH11SH	3.43	Giỏi	72
12		Công nghệ sinh học	11126043	Lê Quang	Trí	DH11SH	3.34	Giỏi	73
13		Công nghệ sinh học	11126073	Lê Thị	Bích	DH11SH	3.29	Giỏi	74
14		Công nghệ sinh học	11126157	Nguyễn Phi	Long	DH11SH	3.34	Giỏi	75
15		Công nghệ sinh học	11126195	Nguyễn Ngọc	Quý	DH11SH	3.49	Giỏi	76
16		Công nghệ sinh học	11126201	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	DH11SH	3.38	Giỏi	77
17		Công nghệ sinh học	11126221	Phạm Văn	Thọ	DH11SH	3.26	Giỏi	78
18		Công nghệ sinh học	11126238	Nguyễn Thị Mai	Trang	DH11SH	3.3	Giỏi	79
19		Công nghệ sinh học	11126254	Phạm Thị Nhã	Trúc	DH11SH	3.36	Giỏi	80
20		Công nghệ sinh học	11126264	Nguyễn Thị Tường	Vi	DH11SH	3.46	Giỏi	81
21		Công nghệ sinh học	11126282	Hoàng Thái	Thanh	DH11SH	3.42	Giỏi	82
22		Công nghệ sinh học	11126292	Huỳnh Tấn	Dũng	DH11SH	3.29	Giỏi	83
23		Công nghệ sinh học	12426001	Nguyễn Văn	Danh	LT12SH	3.23	Giỏi	84
24		Công nghệ sinh học	12426002	Phạm Thị	Dinh	LT12SH	3.31	Giỏi	85
25		Công nghệ sinh học	12426003	Đàm Thị Trúc	Diệu	LT12SH	3.42	Giỏi	86
26		Công nghệ sinh học	12426005	Lê Thành	Hưng	LT12SH	3.36	Giỏi	87
27		Công nghệ sinh học	12426007	Lê Trung	Kiên	LT12SH	3.43	Giỏi	88
28		Công nghệ sinh học	12426012	Nguyễn Thành	Phát	LT12SH	3.4	Giỏi	89
29		Công nghệ sinh học	12426015	Nguyễn Thị	Quỳnh	LT12SH	3.44	Giỏi	90
30		Công nghệ sinh học	12426016	Nguyễn Thị	Tâm	LT12SH	3.25	Giỏi	91
31		Công nghệ sinh học	12426017	Đỗ Đức	Thăng	LT12SH	3.26	Giỏi	92
32		Công nghệ sinh học	12426018	Nguyễn Võ Thu	Thảo	LT12SH	3.43	Giỏi	93
33		Công nghệ sinh học	12426023	Huỳnh Thị Hồng	Trí	LT12SH	3.25	Giỏi	94
34		Công nghệ SHMT	10172059	Phạm Thị	Tĩnh	DH10SM	3.24	Giỏi	95
35		Công nghệ SHMT	11172002	Nguyễn Thị Lệ	Chi	DH11SM	3.33	Giỏi	96
36		Công nghệ SHMT	11172018	Nguyễn Thị Kim	Ngân	DH11SM	3.24	Giỏi	97
37		Công nghệ SHMT	11172021	Phạm Thị	Loan	DH11SM	3.36	Giỏi	98
38		Công nghệ SHMT	11172037	Đỗ Thị	Bình	DH11SM	3.34	Giỏi	99
39		Công nghệ SHMT	11172045	Bùi Công	Danh	DH11SM	3.39	Giỏi	100
40		Công nghệ SHMT	11172181	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	DH11SM	3.3	Giỏi	101
41		Bảo quản CB NSTP	10125127	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	DH10BQ	3.25	Giỏi	102
42		Bảo quản CB NSTP	11125009	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	DH11BQ	3.25	Giỏi	103
43		Bảo quản CB NSTP	11125037	Trần Ngọc	Dung	DH11BQ	3.28	Giỏi	104
44		Bảo quản CB NSTP	11125039	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	DH11BQ	3.3	Giỏi	105
45		Công nghệ TP	10112055	Nguyễn Duy	Hoàng	DH10TP	3.28	Giỏi	106
46		Công nghệ TP	10119012	Nguyễn Thảo	Quỳnh	DH10TP	3.52	Giỏi	107
47		Công nghệ TP	10119016	Võ Yến	Phụng	DH10TP	3.43	Giỏi	108
48		Công nghệ TP	10125236	Nguyễn Hằng	Ni	DH10TP	3.31	Giỏi	109
49		Công nghệ TP	10125242	Bùi Nguyễn Trọng	Thiện	DH10TP	3.34	Giỏi	110
50		Công nghệ TP	10139245	Ngô Thị Minh	Trang	DH10TP	3.42	Giỏi	111

STT	KHOA/ BỘ MÔN	CHUYÊN NGÀNH	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	ĐIỂM TB	XẾP LOẠI	SỐ VÀO SỔ
51	CNTP	Công nghệ TP	10148032	Nguyễn Thị Phương	Dung	DH10TP	3.56	Giỏi	112
52		Công nghệ TP	10148156	Võ Ngọc	Ngà	DH10TP	3.53	Giỏi	113
53		Công nghệ TP	10169032	Trần Đại Hòa	Minh	DH10TP	3.35	Giỏi	114
54		Dinh dưỡng người	10148133	Nguyễn Kim	Loan	DH10DD	3.27	Giỏi	115
55		Dinh dưỡng người	11148092	Nguyễn Trí	Đức	DH11DD	3.22	Giỏi	116
56		Dinh dưỡng người	11148094	Phan Vũ Trúc	Giang	DH11DD	3.29	Giỏi	117
57		Dinh dưỡng người	11148189	Lê Thu	Phượng	DH11DD	3.5	Giỏi	118
58		Dinh dưỡng người	11148221	Nguyễn Đình	Thuận	DH11DD	3.2	Giỏi	119
59		Dinh dưỡng người	11148224	Bùi Thị	Thúy	DH11DD	3.2	Giỏi	120
60		Dinh dưỡng người	11148289	Võ Thị Bích	Yến	DH11DD	3.39	Giỏi	121
61	MT & TN	Dinh dưỡng người	11148310	Bùi Thị	Liều	DH11DD	3.34	Giỏi	122
62		Vi sinh TP	11156026	Cao Thị Thùy	Dung	DH11VT	3.24	Giỏi	123
63		Vi sinh TP	11156067	Nguyễn Thị Phương	Thư	DH11VT	3.2	Giỏi	124
64		Vi sinh TP	11156068	Trần Thị Anh	Thư	DH11VT	3.2	Giỏi	125
65		Vi sinh TP	11156070	Trần Diễm Hoài	Thương	DH11VT	3.37	Giỏi	126
66		Kỹ thuật môi trường	11127101	Ngô Thị Cẩm	Huyền	DH11MT	3.28	Giỏi	127
67		QLMT & Du lịch ST	11157039	Huỳnh Đăng Diễm	Trinh	DH11DL	3.26	Giỏi	128
68		QLMT & Du lịch ST	11157092	Ngô Thị Cẩm	Dung	DH11DL	3.3	Giỏi	129
69		QLMT & Du lịch ST	11157160	Nguyễn Xuân	Khanh	DH11DL	3.23	Giỏi	130
70		QLMT & Du lịch ST	11157249	Dương Thị	Phượng	DH11DL	3.21	Giỏi	131
71	Thủy sản	QLMT & Du lịch ST	11157289	Tô Hữu	Thiện	DH11DL	3.35	Giỏi	132
72		QLMT & Du lịch ST	11157332	Võ Thị Hoàng	Trinh	DH11DL	3.27	Giỏi	133
73		QLMT & Du lịch ST	11157334	Nguyễn Trọng	Trí	DH11DL	3.21	Giỏi	134
74		QLMT & Du lịch ST	11157356	Nguyễn Thị Hồng	Vân	DH11DL	3.24	Giỏi	135
75		QLMT & Du lịch ST	11157418	Trần Thị Kim	Ni	DH11DL	3.24	Giỏi	136
76		Quản lý môi trường	10134900	Cao Phương	Thảo	DH11QM	3.29	Giỏi	137
77		Quản lý môi trường	11149010	Trần Thị Mỹ	Duyên	DH11QM	3.21	Giỏi	138
78		Quản lý môi trường	11149096	Lâm Huy	Bình	DH11QM	3.38	Giỏi	139
79		Quản lý môi trường	11149104	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	DH11QM	3.4	Giỏi	140
80		Quản lý môi trường	11149109	Phạm Văn	Chiến	DH11QM	3.33	Giỏi	141
81	Thủy sản	Quản lý môi trường	11149116	Đào Thị Kim	Cúc	DH11QM	3.37	Giỏi	142
82		Quản lý môi trường	11149134	Võ Nữ Kim	Duyên	DH11QM	3.3	Giỏi	143
83		Quản lý môi trường	11149170	Vương	Hậu	DH11QM	3.2	Giỏi	144
84		Quản lý môi trường	11149174	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DH11QM	3.2	Giỏi	145
85		Quản lý môi trường	11149245	Vưu Hoàn Hải	My	DH11QM	3.2	Giỏi	146
86		Quản lý môi trường	11149268	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	DH11QM	3.3	Giỏi	147
87		Quản lý môi trường	11149270	Trương Thị Thanh	Nguyệt	DH11QM	3.24	Giỏi	148
88		Quản lý môi trường	11149287	Nguyễn Minh	Nhật	DH11QM	3.39	Giỏi	149
89		Quản lý môi trường	11149467	Lê Dương Anh	Đào	DH11QM	3.36	Giỏi	150
90		Quản lý môi trường	11149495	Nguyễn Thảo	Nguyễn	DH11QM	3.55	Giỏi	151
91	Thủy sản	Quản lý môi trường	11149500	Đặng Thị Kim	Nhị	DH11QM	3.2	Giỏi	152
92		Quản lý môi trường	11149502	Võ Thị Ngọc	Oanh	DH11QM	3.33	Giỏi	153
93		Quản lý môi trường	11149525	Lê Thị Thu	Thùy	DH11QM	3.2	Giỏi	154
94		Ngư y	11141001	Nguyễn Thanh	Trúc	DH11NY	3.31	Giỏi	155
95		Ngư y	11141041	Dương Thị	Ni	DH11NY	3.21	Giỏi	156
96		Ngư y	11141075	Trần Đăng	Khoa	DH11NY	3.33	Giỏi	157
97		Nuôi trồng thủy sản	11116053	Huỳnh Thị Hoa	Mai	DH11NT	3.49	Giỏi	158
98		Nuôi trồng thủy sản	11116068	Trần Đình	Quang	DH11NT	3.32	Giỏi	159
99		Nuôi trồng thủy sản	11116114	Bùi Văn	Phổ	DH11NT	3.23	Giỏi	160
100		Kinh tế - QL NTTS	11171005	Nguyễn Thị Thu	Trang	DH11KS	3.25	Giỏi	161
101	Thủy sản	Kinh tế - QL NTTS	11171058	Mai Hồng	Nhung	DH11KS	3.3	Giỏi	162
102		Kinh tế - QL NTTS	11171116	Lê Thị Cẩm	Tú	DH11KS	3.29	Giỏi	163
103		QLTT bất động sản	11135009	Nguyễn Lê Minh	Hiếu	DH11TB	3.27	Giỏi	164
104		QLTT bất động sản	11135029	Dương Bảo	Trần	DH11TB	3.52	Giỏi	165
105		QLTT bất động sản	11135045	Trần Thị Kim	Hằng	DH11TB	3.36	Giỏi	166
106		QLTT bất động sản	11135058	Trần Thanh Thanh	Tâm	DH11TB	3.22	Giỏi	167
107		QLTT bất động sản	11135070	Phạm Thị Đoàn	Trang	DH11TB	3.44	Giỏi	168
108		Quản lý đất đai	10124278	Trần Thị Yến	Ấn	DH10QLN	3.42	Giỏi	169
109		Quản lý đất đai	10124280	Mai Lê Tuấn	Dũng	DH10QLN	3.27	Giỏi	170

STT	KHOA/ BỘ MÔN	CHUYÊN NGÀNH	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	ĐIỂM TB	XẾP LOẠI	SỐ VÀO SỐ
110	QLDD&BDS	Quản lý đất đai	11124064	Trần Thị Mai	Hoa	DH11QL	3.33	Giỏi	171
111		Quản lý đất đai	11124105	Nguyễn Thị Thanh	Phương	DH11QL	3.3	Giỏi	172
112		Quản lý đất đai	11124117	Hà Thị Mai	Trình	DH11QL	3.38	Giỏi	173
113		Quản lý đất đai	12424022	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	LT12QL	3.21	Giỏi	174
114		Quản lý đất đai	12424023	Trương Mỹ	Hồng	LT12QL	3.3	Giỏi	175
115		Quản lý đất đai	12424025	Võ Thị Kim	Hường	LT12QL	3.22	Giỏi	176
116		Quản lý đất đai	12424027	Phan Thanh	Hiền	LT12QL	3.36	Giỏi	177
117		Quản lý đất đai	12424055	Mai Thị	Nga	LT12QL	3.21	Giỏi	178
118		Quản lý đất đai	12424058	Hồ Thị ánh	Ngọc	LT12QL	3.46	Giỏi	179
119		Quản lý đất đai	12424065	Nguyễn Ngọc	Phúc	LT12QL	3.25	Giỏi	180
120		Công nghệ địa chính	11151048	Nguyễn Thị	Tĩnh	DH11DC	3.41	Giỏi	181
121		Quản trị KDTM	11150008	Huỳnh Thị Hồng	Thắm	DH11TM	3.31	Giỏi	182
122		Quản trị KDTM	11150020	Trần Ngọc Trung	Du	DH11TM	3.44	Giỏi	183
123		Quản trị KDTM	11150025	Ngô Chí	Trung	DH11TM	3.21	Giỏi	184
124		Quản trị KDTM	11150028	Trần Ngọc Lan	Anh	DH11TM	3.24	Giỏi	185
125		Quản trị KDTM	11150077	Dương Văn	Trọng	DH11TM	3.34	Giỏi	186
126		Quản trị KDTM	11150082	Huỳnh Thị Bích	Vân	DH11TM	3.47	Giỏi	187
127		Quản trị KDTM	11150096	Huỳnh Thị Bích	Phương	DH11TM	3.39	Giỏi	188
128		Quản trị kinh doanh	10122034	Tô Kim	Duyên	DH10QT	3.24	Giỏi	189
129		Quản trị kinh doanh	11122014	Phạm Thị Mỹ	Hương	DH11QT	3.55	Giỏi	190
130		Quản trị kinh doanh	11122022	Trần Thùy	Linh	DH11QT	3.25	Giỏi	191
131		Quản trị kinh doanh	11122023	Huỳnh Thị Kim	Ly	DH11QT	3.58	Giỏi	192
132		Quản trị kinh doanh	11122036	Phạm Thị Thu	Thúy	DH11QT	3.42	Giỏi	193
133		Quản trị kinh doanh	11122043	Trần Thị	Thanh	DH11QT	3.33	Giỏi	194
134		Quản trị kinh doanh	11122044	Huỳnh Văn	Thuận	DH11QT	3.47	Giỏi	195
135		Quản trị kinh doanh	11122046	Lê Thanh	Tĩnh	DH11QT	3.38	Giỏi	196
136		Quản trị kinh doanh	11122048	Võ Thị Kim	Chi	DH11QT	3.55	Giỏi	197
137		Quản trị kinh doanh	11122051	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	DH11QT	3.35	Giỏi	198
138		Quản trị kinh doanh	11122053	Ngô Thị Ngọc	Thúy	DH11QT	3.48	Giỏi	199
139		Quản trị kinh doanh	11122054	Nguyễn Thị Quyền	Trâm	DH11QT	3.25	Giỏi	200
140		Quản trị kinh doanh	11122064	Phạm Thị Mỹ	Duyên	DH11QT	3.58	Giỏi	201
141		Quản trị kinh doanh	11122065	Hà Thị Hồng	Đào	DH11QT	3.24	Giỏi	202
142		Quản trị kinh doanh	11122066	Nguyễn Thị Anh	Đào	DH11QT	3.5	Giỏi	203
143		Quản trị kinh doanh	11122073	Võ Thị Thu	Hồng	DH11QT	3.26	Giỏi	204
144		Quản trị kinh doanh	11122078	Nguyễn Thị	Hương	DH11QT	3.35	Giỏi	205
145		Quản trị kinh doanh	11122084	Ngô Thị Kim	Mai	DH11QT	3.36	Giỏi	206
146		Quản trị kinh doanh	11122094	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	DH11QT	3.5	Giỏi	207
147		Quản trị kinh doanh	11122098	Phan Thị	Phương	DH11QT	3.34	Giỏi	208
148		Quản trị kinh doanh	11122102	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	DH11QT	3.52	Giỏi	209
149		Quản trị kinh doanh	11122109	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	DH11QT	3.3	Giỏi	210
150		Quản trị kinh doanh	11122124	Nguyễn Thị Bảo	Uyên	DH11QT	3.37	Giỏi	211
151		Quản trị kinh doanh	11122132	Võ Thị Diễm	Trình	DH11QT	3.43	Giỏi	212
152		Quản trị kinh doanh	11122138	Tăng Thị	Nguyễn	DH11QT	3.24	Giỏi	213
153		Quản trị kinh doanh	11122139	Huỳnh Nguyễn Quỳnh	Như	DH11QT	3.45	Giỏi	214
154		Quản trị kinh doanh	11122142	Trần Thị Hoài	Thương	DH11QT	3.47	Giỏi	215
155		Quản trị kinh doanh	11122146	Trần Thị Trúc	Quỳnh	DH11QT	3.29	Giỏi	216
156		Quản trị kinh doanh	12422014	Phạm Văn	Hưng	LT12QT	3.24	Giỏi	217
157		Quản trị kinh doanh	12422039	Phạm Thị	Tươi	LT12QT	3.21	Giỏi	218
158		Quản trị kinh doanh	12422044	Hoàng Thị	Thiên	LT12QT	3.54	Giỏi	219
159		Quản trị tài chính	10164044	Nguyễn Thị Ngọc	Uyển	DH10TC	3.2	Giỏi	220
160		Quản trị tài chính	11164004	Phạm Thị Như	Thắm	DH11TC	3.53	Giỏi	221
161		Quản trị tài chính	11164010	Sơn Thị Thanh	Thảo	DH11TC	3.24	Giỏi	222
162		Quản trị tài chính	11164013	Nguyễn Thị Cẩm	Anh	DH11TC	3.35	Giỏi	223
163		Quản trị tài chính	11164016	Nguyễn Thị	Hạnh	DH11TC	3.29	Giỏi	224
164		Quản trị tài chính	11164023	Vương Thị Minh	Ngọc	DH11TC	3.32	Giỏi	225
165		Quản trị tài chính	11164034	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	DH11TC	3.41	Giỏi	226
166		Quản trị tài chính	11164037	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	DH11TC	3.47	Giỏi	227
167		Quản trị tài chính	11164042	Nguyễn Thị Ngọc	Thiếu	DH11TC	3.23	Giỏi	228
168		Quản trị tài chính	11164044	Ngô Thị Huyền	Trâm	DH11TC	3.26	Giỏi	229

STT	KHOA/ BỘ MÔN	CHUYÊN NGÀNH	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	ĐIỂM TB	XẾP LOẠI	SỐ VÀO SỐ
169	Kinh tế	Kinh tế nông lâm	11120004	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DH11KT	3.53	Giỏi	230
170		Kinh tế nông lâm	11120030	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	DH11KT	3.37	Giỏi	231
171		Kinh tế nông lâm	11120036	Nguyễn Đình	Long	DH11KT	3.2	Giỏi	232
172		Kinh tế nông lâm	11120073	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	DH11KT	3.49	Giỏi	233
173		Kinh tế nông lâm	11120083	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	DH11KT	3.29	Giỏi	234
174		Kinh tế nông lâm	11120084	Nguyễn Việt	Hùng	DH11KT	3.25	Giỏi	235
175		Kinh tế nông lâm	11120086	Phan Thị Thanh	Thảo	DH11KT	3.29	Giỏi	236
176		Kinh tế nông lâm	11120094	Ngô Thị	Thúy	DH11KT	3.32	Giỏi	237
177		Kinh tế nông lâm	11120104	Bùi Thị Túy	Phượng	DH11KT	3.37	Giỏi	238
178		Kinh tế nông lâm	11120116	Phan Thanh	Núi	DH11KT	3.27	Giỏi	239
179		Kinh tế nông lâm	11120117	Phan Thanh	Sang	DH11KT	3.3	Giỏi	240
180		Kinh tế nông lâm	11121003	Đoàn Thị Kim	Phượng	DH11KT	3.25	Giỏi	241
181		Kinh tế TNMT	10143025	Cao Thị Thanh	Hằng	DH10KM	3.22	Giỏi	242
182		Kinh tế TNMT	11143002	Lê Tuấn	Anh	DH11KM	3.41	Giỏi	243
183		Kinh tế TNMT	11143004	Nguyễn Thị Thu	Hằng	DH11KM	3.41	Giỏi	244
184		Kinh tế TNMT	11143007	Lê Thị	Hoa	DH11KM	3.26	Giỏi	245
185		Kinh tế TNMT	11143010	Trần Thị Thu	Hương	DH11KM	3.52	Giỏi	246
186		Kinh tế TNMT	11143015	Vũ Hà	My	DH11KM	3.46	Giỏi	247
187		Kinh tế TNMT	11143018	Nguyễn Thị Thúy	Oanh	DH11KM	3.41	Giỏi	248
188		Kinh tế TNMT	11143026	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	DH11KM	3.46	Giỏi	249
189		Kinh tế TNMT	11143029	Lê Xuân	Anh	DH11KM	3.35	Giỏi	250
190		Kinh tế TNMT	11143032	Hồ Ngọc Bảo	Ly	DH11KM	3.28	Giỏi	251
191		Kinh tế TNMT	11143037	Nguyễn Phương	Bình	DH11KM	3.23	Giỏi	252
192		Kinh tế TNMT	11143045	Trần Thị Thùy	Dương	DH11KM	3.37	Giỏi	253
193		Kinh tế TNMT	11143046	Lê Thị Hồng	Gấm	DH11KM	3.21	Giỏi	254
194		Kinh tế TNMT	11143055	Trần Thị	Hiền	DH11KM	3.3	Giỏi	255
195		Kinh tế TNMT	11143056	Nguyễn Thị	Hòa	DH11KM	3.42	Giỏi	256
196		Kinh tế TNMT	11143059	Trần Thị Kim	Huệ	DH11KM	3.35	Giỏi	257
197		Kinh tế TNMT	11143067	Huỳnh Thị Hoàng	Lan	DH11KM	3.32	Giỏi	258
198		Kinh tế TNMT	11143083	Phạm Thị Hà	Như	DH11KM	3.26	Giỏi	259
199		Kinh tế TNMT	11143087	Mai Thị	Phượng	DH11KM	3.2	Giỏi	260
200		Kinh tế TNMT	11143092	Nguyễn Thị	Thành	DH11KM	3.35	Giỏi	261
201		Kinh tế TNMT	11143098	Ngô Ngọc	Thắm	DH11KM	3.31	Giỏi	262
202		Kinh tế TNMT	11143139	Trần Thị	Nhật	DH11KM	3.3	Giỏi	263
203		Kinh tế TNMT	11143140	Nguyễn Thị Hoài	Phú	DH11KM	3.26	Giỏi	264
204		Kinh tế TNMT	11143146	Đặng Kiều Thúy	Vy	DH11KM	3.38	Giỏi	265
205		Kinh tế TNMT	11143155	Trần Thị	Huyền	DH11KM	3.28	Giỏi	266
206		Kinh tế TNMT	11143166	Phạm Thị Đa	Giàu	DH11KM	3.27	Giỏi	267
207		Kinh tế TNMT	11143167	Lê Thị	Quyên	DH11KM	3.35	Giỏi	268
208		Kinh tế TNMT	11143184	Hoàng Thị Ngọc	Anh	DH11KM	3.25	Giỏi	269
209		Kinh tế TNMT	11143188	Diệp Như	Quỳnh	DH11KM	3.31	Giỏi	270
210		Kinh tế TNMT	11143191	Hà Thị Thanh	Chi	DH11KM	3.22	Giỏi	271
211		Kinh tế TNMT	11143204	Đinh Ngọc Bảo	Trâm	DH11KM	3.24	Giỏi	272
212		Kinh tế TNMT	11143233	Nguyễn Thu	Vân	DH11KM	3.49	Giỏi	273
213		Kinh tế TNMT	11143238	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	DH11KM	3.26	Giỏi	274
214		Kinh tế TNMT	11143247	Đoàn Thị Thanh	Thúy	DH11KM	3.49	Giỏi	275
215		Kế toán	11123002	Trần Quốc	Anh	DH11KE	3.39	Giỏi	276
216		Kế toán	11123004	Trương Khắc	Duy	DH11KE	3.27	Giỏi	277
217		Kế toán	11123005	Phạm Nguyễn Mỹ	Duyên	DH11KE	3.49	Giỏi	278
218		Kế toán	11123007	Nguyễn Thị Ngọc	Đẹp	DH11KE	3.37	Giỏi	279
219		Kế toán	11123008	Lê Thị Đông	Hàn	DH11KE	3.26	Giỏi	280
220		Kế toán	11123009	Thái Thị	Hải	DH11KE	3.47	Giỏi	281
221		Kế toán	11123012	Nguyễn Thị Phương	Hồng	DH11KE	3.34	Giỏi	282
222		Kế toán	11123019	Bùi Thị Mỹ	Linh	DH11KE	3.22	Giỏi	283
223		Kế toán	11123026	Trần Thị Hoa	Mai	DH11KE	3.41	Giỏi	284
224		Kế toán	11123038	Đỗ Thị Thúy	Phượng	DH11KE	3.38	Giỏi	285
225		Kế toán	11123041	Võ Thị Tú	Quyên	DH11KE	3.39	Giỏi	286
226		Kế toán	11123051	Nguyễn Thị Bích	Trần	DH11KE	3.42	Giỏi	287
227		Kế toán	11123057	Trần Thanh	Vân	DH11KE	3.32	Giỏi	288

STT	KHOA/ BỘ MÔN	CHUYÊN NGÀNH	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	ĐIỂM TB	XẾP LOẠI	SỐ VÀO SÓ
228		Kế toán	11123062	Võ Thị Trường	Xuân	DH11KE	3.46	Giỏi	289
229		Kế toán	11123075	Nguyễn Bích	Ngân	DH11KE	3.27	Giỏi	290
230		Kế toán	11123088	Ung Thụy Ngọc	Anh	DH11KE	3.28	Giỏi	291
231		Kế toán	11123091	Nguyễn Thị Kim	Chung	DH11KE	3.26	Giỏi	292
232		Kế toán	11123102	Phạm Thị	Hằng	DH11KE	3.3	Giỏi	293
233		Kế toán	11123107	Nguyễn Thị Kim	Hiền	DH11KE	3.21	Giỏi	294
234		Kế toán	11123117	Nguyễn Thanh	Lan	DH11KE	3.39	Giỏi	295
235		Kế toán	11123127	Nguyễn Thị Kim	Ngân	DH11KE	3.58	Giỏi	296
236		Kế toán	11123140	Nguyễn Thị Mai	Phượng	DH11KE	3.38	Giỏi	297
237		Kế toán	11123145	Đỗ Phương	Thảo	DH11KE	3.55	Giỏi	298
238		Kế toán	11123148	Mai Thị Tú	Thị	DH11KE	3.56	Giỏi	299
239		Kế toán	11123153	Phạm Thị Minh	Thu	DH11KE	3.38	Giỏi	300
240		Kế toán	11123157	Phạm Đoàn	Thụy	DH11KE	3.29	Giỏi	301
241		Kế toán	11123159	Nguyễn Thị Mai	Trang	DH11KE	3.33	Giỏi	302
242		Kế toán	11123169	Nguyễn Hạnh	Dung	DH11KE	3.23	Giỏi	303
243		Kế toán	11123170	Nguyễn Thị Diệu	Thu	DH11KE	3.2	Giỏi	304
244		Kế toán	11123175	Nguyễn Thị Kim	Ngân	DH11KE	3.38	Giỏi	305
245		Kế toán	11123179	Lý Tổ	Sen	DH11KE	3.25	Giỏi	306
246		Kế toán	11123180	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	DH11KE	3.27	Giỏi	307
247		Kế toán	11123184	Trần Thị Thu	Thường	DH11KE	3.34	Giỏi	308
248		Kế toán	12423080	Nguyễn Thị	Lưu	LT12KEB	3.23	Giỏi	309
249		Kế toán	12423096	Nguyễn Thị	Ngọc	LT12KEA	3.56	Giỏi	310
250		Kế toán	12423107	Huỳnh Thị Hồng	Nhung	LT12KEA	3.21	Giỏi	311
251		Kế toán	12423117	Lê Thị Hoa	Phượng	LT12KEB	3.51	Giỏi	312
252		Kế toán	12423140	Phạm Thị	Thảo	LT12KEB	3.44	Giỏi	313
253		Kế toán	12423158	Lê Thị Quỳnh	Trần	LT12KEB	3.44	Giỏi	314
254		Kế toán	13123119	Hoàng Thị	Phượng	LT13KE	3.55	Giỏi	315
255		Kế toán	13123132	Trương Hoàng	Sơn	LT13KE	3.39	Giỏi	316
256		Kế toán	13123135	Võ Thị Kim	Thanh	LT13KE	3.58	Giỏi	317
257		Kế toán	13123142	Phạm Thu	Thảo	LT13KE	3.2	Giỏi	318
258		Kế toán	13123174	Trịnh Nhật Minh	Tuyền	LT13KE	3.36	Giỏi	319
259		Kinh doanh NN	11155022	Trần Thị Diễm	Hương	DH11KN	3.22	Giỏi	320
260		Kinh doanh NN	11155041	Vũ Thị Thủy	Dung	DH11KN	3.23	Giỏi	321
261		Kinh doanh NN	11155045	Phan Thị	Thắm	DH11KN	3.28	Giỏi	322


 HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỞNG
 ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
 TP. HỒ CHÍ MINH
 PGS.TS. Huỳnh Thanh Hồng